

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A		1	2	3
I	Tổng số thu	4.921.000.000	11.639.503.652	236,53
1.	Các khoản thu 100%	72.000.000	44.748.500	62,15
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	203.000.000	75.811.226	37,35
3.	Thu chuyển nguồn		85.668.902	
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.646.000.000	11.433.275.024	246,09
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.646.000.000	4.681.000.000	100,75
	- Bổ sung có mục tiêu		6.752.275.024	
II.	Tổng số chi		8.997.962.309	
1.	Chi đầu tư phát triển		3.362.650.400	
2.	Chi thường xuyên		5.635.311.909	
3.	Dự phòng			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Năm 2022


Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	620.000.000	4.921.000.000	12.458.368.994	11.875.430.191	2.009	241
I. Các khoản thu 100%	72.000.000	72.000.000	44.865.740	44.748.500	62	62
- Phí, lệ phí	53.000.000	53.000.000	30.748.500	30.748.500	58	58
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu khác	19.000.000	19.000.000	14.117.240	14.000.000	74	74
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	548.000.000	203.000.000	792.609.798	209.808.235	145	103
1. Các khoản thu phân chia	103.000.000	103.000.000	197.915.184	133.997.009	192	130
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.000.000	20.000.000	55.378.825	55.378.825	277	277
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	13.000.000	13.000.000	14.700.000	14.700.000	113	113
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	70.000.000	70.000.000	127.836.359	63.918.184	183	91
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	445.000.000	100.000.000	594.694.614	75.811.226	134	76
- Thuế giá trị gia tăng	100.000.000	100.000.000	75.811.226	75.811.226	76	76
- Thuế TNDN						
- Thuế thu nhập cá nhân	345.000.000		518.883.388		150	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			85.688.902	85.668.902		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			101.929.530	101.929.530		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.646.000.000	11.433.275.024	11.433.275.024		246
- Bổ sung cân đối ngân sách		4.646.000.000	4.681.000.000	4.681.000.000		101
- Bổ sung có mục tiêu			6.752.275.024	6.752.275.024		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	7.010.717.400	1.904.840.400	5.105.877.000	11.819.477.280	5.675.976.200	6.143.501.080	169	298	120
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	635.000.000		635.000.000	735.609.474	55.000.000	680.609.474	116		107
- Chi dân quân tự vệ	355.000.000		355.000.000	390.942.074		390.942.074	110		110
- Chi trật tự an toàn xã hội	280.000.000		280.000.000	344.667.400	55.000.000	289.667.400	123		103
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	70.000.000		70.000.000	69.732.000		69.732.000	100		100
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	34.981.300		34.981.300	100		100
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	55.000.000		55.000.000	59.904.840		59.904.840	109		109
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	2.034.817.400	1.904.840.400	129.977.000	5.323.788.444	5.203.714.444	120.074.000	262	273	92
- Giao thông	1.904.840.400	1.904.840.400		3.726.876.200	3.726.876.200		196	196	
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	129.977.000		129.977.000	1.567.348.244	1.447.274.244	120.074.000	1.206		92
- Thương mại, du lịch				29.564.000	29.564.000				
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.027.400.000		4.027.400.000	4.963.987.599		4.963.987.599	123		123
Trong đó: Quỹ lương				3.844.479.508		3.844.479.508			
10.1. Quản lý Nhà nước	1.714.100.000		1.714.100.000	2.607.204.994		2.607.204.994	152		152
10.2. Hội đồng nhân dân	360.000.000		360.000.000	375.354.089		375.354.089	104		104
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	710.000.000		710.000.000	733.358.787		733.358.787	103		103
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	450.000.000		450.000.000	476.828.815		476.828.815	106		106
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	105.000.000		105.000.000	122.481.585		122.481.585	117		117
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	160.000.000		160.000.000	152.850.355		152.850.355	96		96
10.7. Hội Cựu chiến binh	165.000.000		165.000.000	151.250.204		151.250.204	92		92
10.8. Hội Nông dân	160.000.000		160.000.000	141.446.170		141.446.170	88		88
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	30.000.000		30.000.000	34.892.800		34.892.800	116		116



Khoản mục	Dự toán		Ước thực hiện			So sánh (%)			
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.10. Hội Người cao tuổi	73.300.000		73.300.000	74.989.800		74.989.800	102		102
10.11. Hội khuyến học	20.000.000		20.000.000	18.927.000		18.927.000	95		95
10.12. Chi cho các hội đặc thù (Da cam, khuyến học, người mù, TNXP...)	80.000.000		80.000.000	74.403.000		74.403.000	93		93
11. Chi cho công tác xã hội	56.000.000		56.000.000	30.712.000		30.712.000	55		55
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác				30.712.000		30.712.000			
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội	46.000.000		46.000.000						
- Khác	10.000.000		10.000.000						
12. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	63.000.000		63.000.000	53.141.000	46.436.000	6.705.000	84		11
13. Dự phòng	34.500.000		34.500.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				547.620.623	370.825.756	176.794.867			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHE MO**

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2022

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;
Căn cứ Quyết định số 5229/QĐ-UBND - 22/12/2022 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Đồng Hỷ năm 2022;
Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã Khe Mo về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã Khe Mo năm 2022;
Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND xã Khe Mo về việc điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách xã năm 2022;
UBND xã Khe Mo Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách năm 2022 cụ thể như sau:

Phần thứ nhất:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

Năm 2022, để đạt được kế hoạch thu – chi ngân sách xã đã được UBND huyện và HĐND xã giao. Dưới sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, sát sao của Đảng ủy, sự giám sát của HĐND xã, UBND xã Khe Mo tổ chức thực hiện dự toán và điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm phấn đấu hoàn thành mức cao nhất dự toán được giao.

I. Về thu ngân sách:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 ước thực hiện 818/620 triệu đồng, bằng 131% dự toán giao. Trong đó một số khoản thu đạt tỷ lệ cao như: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 274% dự toán; Lệ phí môn bài đạt 113% dự toán; lệ phí trước bạ đạt 175% dự toán; Thuế TNCN từ CQ đạt 147% so với dự toán.

- Kết quả thu ngân sách xã: Tổng thu điều tiết ngân sách xã ước thực hiện 247/240 triệu đồng, bằng 102% dự toán.

- Thu bổ sung cân đối: 4.681 triệu đồng
- Thu bổ sung theo mục tiêu: 4.253 triệu đồng
- Thu kết dư ngân sách: 101,9 triệu đồng
- Thu chuyên nguồn: 85,6 triệu đồng

(Có biểu chi tiết số 01 kèm theo)

BẢNG THÔNG BÁO

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHE MƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/QĐ-UBND

Khe Mỏ, ngày 02 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã
năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHE MƠ

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi
bổ sung một số điều của Luật Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà
nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân
sách;

Xét đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã năm
2022

(theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, công chức Tài chính – Kế toán
và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Hưng